

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Nghi Xuân-Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Nguyễn Thị Biên, xã Tiên Điền*
 - *M2: Nguyễn Văn Mỹ, xã Tiên Điền*
 - *M3: Hoàng Như Đình, xã Tiên Điền*
6. Ngày nhận mẫu: *9/12/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *09/12/2025 – 10/12/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.12	0.28	0.96	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.84	6.93	6.96	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	42.64	42.66	42.47	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.67	0.67	0.59	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.01	0.06	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.6	0.6	0.5	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	0.003	0.005	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	0	0	0	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.007	0.005	0.013	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

11	Độ cứng	3.47	3.33	3.31	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017
----	---------	------	------	------	------	-----	------------------

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 11. tháng 12 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

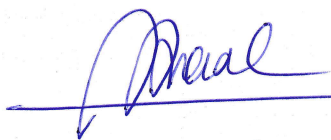
1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hồng Lĩnh*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý trạm Nghi Xuân*
6. Ngày nhận mẫu: *9/12/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *9/12-10/12/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.15	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.78	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	41.18	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.85	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	0	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ - E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.002	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng (CaCO ₃)	2.99	mg/l	300	SMEWW 2340B: 2017

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 09/12/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 09/12-10/12/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Hồ Xuân Hoa
7. Địa chỉ: xã Cổ Đạm, tỉnh Hà Tĩnh
8. Kết quả phân tích:

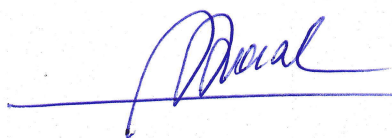
TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	2.32	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.04	-
3	TSS		µm/s	48.99	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.03	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	0.4	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	0.002	-
7	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017	mg/l	0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.008	-
9	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.02	-
10	Độ cứng (CaCO ₃)	SMEWW 2340B:2017	mg/l	3.35	

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng

